

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2022/DSST-HNGĐ

Ngày: 31 - 8 - 2022

V/v ly hôn giữa chị L và anh A.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Quốc Đầu

2. Bà Phan Kim Hoa

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai An - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 204/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị L, sinh năm 1997; Nơi ĐKNKTT: khối 10, phường H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; Nơi ở hiện nay: Thôn C, xã H, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa; Điện thoại: 0968xxxxxx (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Nhật A, sinh năm 1993; Nơi ĐKNKTT: khối 10, phường H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; Nơi ở hiện nay: Phòng 718, Chung cư B, số 72 đường L, phường H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; Điện thoại: 0764xxxxxx; 0947xxxxxx (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Lê Thị L trình bày: Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Nhật A đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 09/01/2017 tại UBND phường H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn thì chị và anh A về chung sống cùng với bố mẹ chồng tại

khối 10, phường H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Thời gian đầu chị và anh A chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2019 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xích mích nhau, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên nhủ nhưng không thành. Chị và anh A đã sống ly thân từ tháng 09 năm 2019 cho đến nay không có trách nhiệm gì với nhau. Nay chị L thấy mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, tình cảm thực sự không còn, không thể sống chung với nhau được nữa nên chị L làm đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Nhật A.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống chị L và anh A có 02 con chung tên là Nguyễn Văn H, sinh ngày 28/7/2017 và Nguyễn Gia L, sinh ngày 12/3/2019. Từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu Nguyễn Gia L sống với chị, còn cháu Nguyễn Văn H thì sống với anh Nguyễn Nhật A. Nay ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Gia L cho đến khi trưởng thành. Còn con chung Nguyễn Văn H thì giao cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng trưởng thành. Chị không yêu cầu anh A phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Nhật A vắng mặt tại phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh A nhưng anh A vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án không thể xem xét ý kiến, nguyện vọng của anh A được.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Về thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập đầy đủ chứng cứ. Tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tổng đạt các văn bản cho các đương sự tham tố tụng thực hiện đúng quy định bảo đảm quyền lợi nghĩa vụ của họ. Thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 207, Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị L và anh Nguyễn Nhật A.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Văn H, sinh ngày 28/7/2017 cho anh Nguyễn Nhật A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Giao con chung Nguyễn Gia L, sinh ngày 12/3/2019 cho chị Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Chị L, anh A có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3. Về quan hệ tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí: Buộc chị Lê Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Chị Lê Thị L khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Nhật A có ĐKNKTT tại khối 10, phường H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An và nơi ở hiện nay tại Phòng 718, Chung cư B, số 72 đường L, phường H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về việc vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Ngày 01/6/2022, Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An thụ lý vụ án ly hôn giữa nguyên đơn chị Lê Thị L và bị đơn anh Nguyễn Nhật A. Sau khi thụ lý, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Nguyễn Nhật A theo đúng quy định tại các Điều 196, 208, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh A đều vắng mặt không có lý do nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Nguyễn Nhật A là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Chị Lê Thị L kết hôn với anh Nguyễn Nhật A trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ

An vào ngày 09 tháng 01 năm 2017. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh A là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét quá trình chung sống giữa chị L và anh A thấy rằng: Trong quá trình chung sống chị L và anh A thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị L và anh A đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2019 cho đến nay không có trách nhiệm gì với nhau. Như vậy, có thể khẳng định cuộc sống hôn nhân giữa chị L và anh A trên thực tế không còn tồn tại, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị L là phù hợp pháp luật nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Lê Thị L được ly hôn anh Nguyễn Nhật A.

[2.2]. Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, chị L và anh A có 02 con chung tên là Nguyễn Văn H, sinh ngày 28/7/2017 và Nguyễn Gia L, sinh ngày 12/3/2019. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Gia L cho đến khi trưởng thành, còn cháu Nguyễn Văn H thì chị L đồng ý giao cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng trưởng thành. Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con chung cho ai nuôi cần phải xem xét vào quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, thuận lợi trong việc chăm sóc, giáo dục con và phù hợp về sự phát triển tâm sinh lý của các cháu. Mặc dù anh A vắng mặt không xem xét được ý kiến, nguyện vọng của anh A về việc nuôi con chung nhưng xét trên thực tế từ khi chị L và anh A sống ly thân đến nay thì cháu Nguyễn Gia L sống cùng với chị L, còn cháu H thì sống cùng với anh A. Xét về độ tuổi và giới tính thì cháu Nguyễn Gia L là con gái, đang còn quá nhỏ tuổi nên cần ở với mẹ, cháu Nguyễn Văn H là con trai nên cần ở với bố sẽ phù hợp về độ tuổi phát triển tâm sinh lý của các cháu hơn. Do đó cần giao con chung Nguyễn Gia L cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành và giao con chung Nguyễn Văn H cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do mỗi bên đều có trách nhiệm trực tiếp nuôi con chung và chị L không yêu cầu anh A đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét đóng góp phí tổn nuôi con chung đối với anh A.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị Lê Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[2.4]. Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 207, Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị L và anh Nguyễn Nhật A.

2. Về quan hệ nuôi con chung:

Giao con chung Nguyễn Văn H, sinh ngày sinh ngày 28/7/2017 cho anh Nguyễn Nhật A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

Giao con chung Nguyễn Gia L, sinh ngày 12/3/2019 cho chị Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Chị L, anh A có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0010075 ngày 31/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDTP Vinh;
- Chi cục THA dân sự TP Vinh;
- UBND phường H, tp Vinh, Nghệ An
- (Đăng ký kết hôn ngày 09/01/2017);
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Thị Hoa